HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XING-GA-PO

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC

TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XING-GA-PO,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở, hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;

(ii) thuế lợi tức;

(iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(iv) thuế đối với nhà thầu phụ nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí; và

(v) thuế đối với nhà thầu nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Xing-ga-po:

thuế thu nhập

(dưới đây được gọi là "thuế Xing-ga-po").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên do từng Nước ký kết ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của các Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi cơ bản trong luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam;

b. từ " Xing-ga-po" có nghĩa là Nước Cộng hòa Xing-ga-po;

c. thuật ngữ " Nước ký kết " và " Nước ký kết kia " có nghĩa là Việt nam hay Xing-ga-po tùy theo ngữ cảnh;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty, tổ chức nhiều đối tượng hay bất kỳ thực thể nào khác được coi là đối tượng theo giác độ thuế;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết " và " xí nghiệp của Nước ký kết kia" có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

(ii) bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng; và

(ii) trong trường hợp đối với Xing-ga-po, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

j. thuật ngữ "thuế" có nghĩa là thuế Việt nam hoặc thuế Xing-ga-po tùy theo ngữ cảnh; và

k. thuật ngữ "cơ sở cố định" có nghĩa là địa điểm thường xuyên phục vụ cho việc thực hiện các dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành hoặc bất cứ tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1 khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú;

b. nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

c. nếu như không thể xác định được Nước ký kết mà ở đó cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;

d. nếu thân phận cư trú không xác định được theo các điểm từ (a) đến (c) thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó. Nếu không xác định được trụ sở điều hành thực tế, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề bằng thỏa thuận chung.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình .

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng; và

f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng hoặc lắp đặt sẽ tạo nên một cơ sở thường trú chỉ khi địa điểm hay công trình đó kéo dài hơn 6 tháng.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

c. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích chỉ để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động [illegible] khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp;

f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động thay mặt cho một xí nghiệp và đối tượng đó có và thường xuyên thực hiện tại một Nước ký kết thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước đó đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó.

6/ Một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở Nước ký kết kia nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ.

7/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Các tàu thủy và máy bay không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của xí nghiệp tại một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ tất cả các khoản chi phí bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung được phép khấu trừ nếu cơ sở thường trú đó là một xí nghiệp độc lập, trong phạm vi các khoản chi phí đó được phân bổ hợp lý cho cơ sở thường trú trên, mặc dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.

4/ Không có khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hoặc tài sản cho xí nghiệp.

5/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của máy bay hoặc tàu thủy trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

Theo Điều này, lợi tức thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ bao gồm cả:

a. thu nhập từ việc cho thuê tàu thủy hay máy bay; và

b. lợi tức từ việc sử dụng, bảo dưỡng hoặc cho thuê các công-ten-nơ (kể cả khoang móc và thiết bị kèm theo phục vụ cho việc vận tải bằng tàu công-ten-nơ);

khi việc cho thuê hay sử dụng, bảo dưỡng hay cho thuê trên, tùy từng trường hợp, có tính chất phụ kèm theo hoạt động của tàu thủy hay máy bay trong vận tải quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và phải chịu thuế tương ứng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế khi đó phải nộp sẽ không vượt quá :

a. 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng trực tiếp hay gián tiếp đóng góp hơn 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần hay đóng góp trên 10 triệu đô la Mỹ;

b. 7 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng trực tiếp hay gián tiếp đóng góp giữa 25 phần trăm và 50 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;

c. 12,5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2, tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú tại Việt nam trả cho Chính phủ Xing-ga-po sẽ được miễn thuế Việt nam.

4/ Theo nội dung tại khoản 3 từ "Chính phủ Xing-ga-po" sẽ có cùng nghĩa với định nghĩa ghi tại khoản 4 (b) Điều 11.

5/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cũng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

6/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp nêu trên, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

8/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời gian Xing-ga-po vẫn chưa đánh thuế trên tiền lãi cổ phần, bổ sung thêm vào thuế đánh trên lợi tức hay thu nhập của công ty, thì tiền lãi cổ phần do công ty là đối tượng cư trú của Xing-ga-po trả cho một đối tượng cư trú của Việt nam sẽ được miễn bất kỳ loại thuế nào tại Xing-ga-po đánh trên tiền lãi cổ phần, bổ sung thêm vào thuế thu trên lợi tức hay thu nhập của công ty.

ĐIỀU 11

LÃI TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước đó, nhưng nếu người nhận là người thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi tiền cho vay.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2, lãi tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và trả cho Chính phủ của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất.

4/Theo nội dung khoản này, từ "Chính phủ"

a. trong trường hợp đối với Việt nam, có nghĩa là Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam và sẽ bao gồm:

(i) Ngân hàng Nhà nước Việt nam;

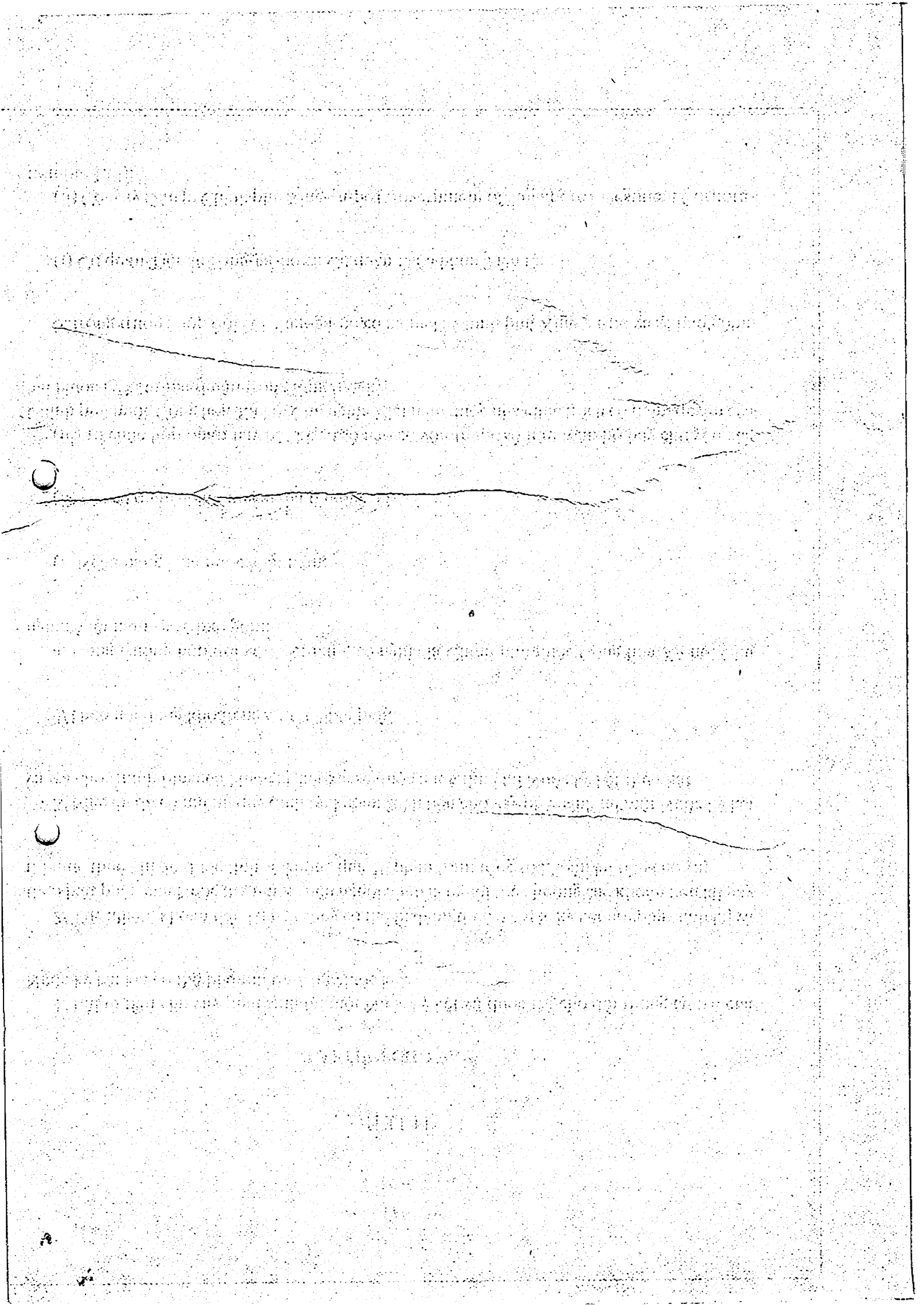
(ii) các cơ quan chính quyền địa phương; và

(iii) tổ chức hợp pháp hay bất kỳ cơ sở nào có vốn thuộc sở hữu toàn bộ hay chủ yếu của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam được nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ;

b. trong trường hợp đối với Xing-ga-po,có nghĩa là Chính phủ Xing-ga-po và sẽ bao gồm:

(i) Cơ quan Tiền tệ Xing-ga-po và Cơ quan Điều hành Tiền tệ;

(ii) Công ty Đầu tư Chính phủ Xing-ga-po (Government of Singapore Investment Corporation Pte Ltd);



(iii) tổ chức hợp pháp; và

(iv) bất kỳ cơ sở nào thuộc sở hữu toàn bộ hay chủ yếu của Chính phủ Xing-ga-po được các nhà chức trách có thẩm quyền của Hai nước ký kết thỏa thuận trong từng thời kỳ.

5/ Thuật ngữ "lãi tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

6/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động doanh nghiệp tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi tiền vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

7/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, một cơ sở hợp pháp hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

8/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi tiền cho vay được trả vượt quá, vì bất cứ lý do gì, khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể phải chịu thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá:

a. 5 phần trăm tổng số tiền bản quyền trong trường hợp là khoản tiền thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào trả cho việc sử dụng hay quyền sử dụng bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hay khoa học hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hay khoa học;

b. 15 phần trăm tổng số tiền bản quyền trong tất cả các trường hợp khác.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kì dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động doanh nghiệp ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy theo từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, một cơ quan hợp pháp hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền

bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả đối với việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vì bất cứ lý do gì vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể phải nộp thuế tại Nước kia.

2/ Những khoản lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết này có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức do xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thủy hay máy bay đó, sẽ chỉ phải chịu thuế tại Nước đó.

4/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại khoản 1,2 và 3 sẽ chỉ chịu thuế tại Nước nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động có tính chất độc lập khác sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi cá nhân đó thường xuyên có một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của mình. Nếu cá nhân đó có một cơ sở cố định như trên, thu nhập của cá nhân đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các bác sỹ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 16, 18 và 19 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể phải nộp thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ phải nộp thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt ở Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm dương lịch liên quan, và

b. chủ lao động hay đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ phải nộp thuế tại Nước đó.



ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể phải nộp thuế ở Nước kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể phải chịu thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, thu nhập thu được từ các hoạt động trình diễn nêu tại khoản 1 Điều này trong khuôn khổ chương trình trao đổi văn hóa hay thể thao được hai Nước ký kết thỏa thuận, sẽ được miễn thuế tại Nước nơi diễn ra hoạt động trình diễn đó.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự được trả cho một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ chịu thuế ở Nước đó.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1/ a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hay tổ chức hợp pháp của Nước đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hay tổ chức hợp pháp đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

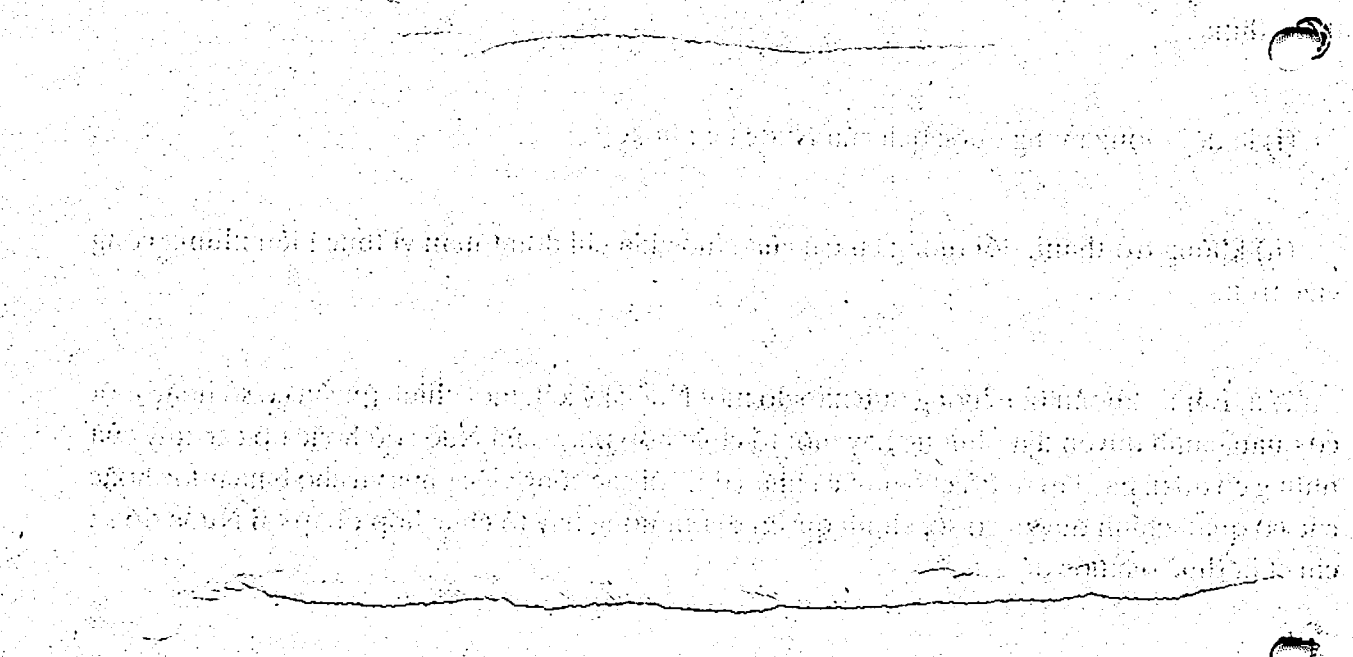
(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/ a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, một chính quyền cơ sở hoặc một cơ quan chính quyền địa phương hay một tổ chức hợp pháp của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hay tổ chức hợp pháp tại Nước đó sẽ chỉ chịu thuế ở Nước đó.

b. Tuy nhiên những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia

3/ Các quy định của Điều 15, 16 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền cơ sở, hoặc chính quyền địa phương hay một tổ chức hợp pháp của Nước đó.



ĐIỀU 20

SINH VIÊN

1/Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến Nước ký kết này đang và đã là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, thì không bị đánh thuế tại Nước thứ nhất, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

2/ Mặc dù đã có những quy định tại Điều 14 và 15, tiền công trả cho các hoạt động phục vụ của sinh viên hay thực tập sinh thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không phải nộp thuế tại Nước đó với điều kiện những hoạt động phục vụ đó có liên quan đến hoạt động học tập hay đào tạo của đối tượng đó và số tiền công đó không vượt qua 2.500 Đô la Mỹ trong một năm.

ĐIỀU 21

GIÁO VIÊN VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

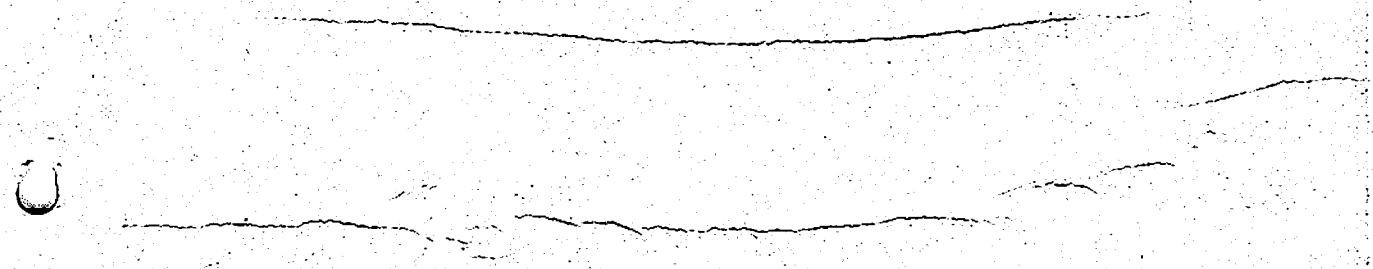
1/ Một cá nhân sang một Nước ký kết với mục đích giảng dạy hay tiến hành nghiên cứu tại trường đại học, trường cao đẳng hay cơ sở giáo dục được chấp nhận khác tại Nước đó và cá nhân đó ngay trước khi sang Nước đó đã và đang là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất đối với phần tiền công từ việc giảng dạy hay nghiên cứu trong giai đoạn không quá 2 năm kể từ ngày đầu tiên sang tiến hành giảng dạy hay nghiên cứu.

2/ Các quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó không được thực hiện phục vụ lợi ích công cộng mà chủ yếu được thực hiện phục vụ cho lợi ích riêng của một đối tượng hay nhiều đối tượng nhất định.

ĐIỀU 22

THU NHẬP KHÁC

Những khoản thu nhập, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ phải nộp thuế theo luật thuế của từng Nước ký kết.



ĐIỀU 23

GIỚI HẠN MIỄN GIẢM

1/ Trường hợp Hiệp định này quy định (có hay không có các điều kiện khác) thu nhập phát sinh từ nguồn tại Việt nam sẽ được miễn hay nộp thuế với thuế suất giảm tại Việt nam và theo các luật có hiệu lực tại Xing-ga-po, thu nhập nói trên phải nộp thuế căn cứ vào số tiền thu nhập được chuyển về nước hay nhận được tại Xing-ga-po và không căn cứ vào tổng số tiền thu nhập, lúc đó quy định miễn hay giảm thuế cho phép áp dụng theo Hiệp định này tại Việt nam sẽ chỉ được áp dụng đối với phần thu nhập được chuyển về nước hay nhận được tại Xing-ga-po.

2/ Tuy nhiên giới hạn này không áp dụng đối với thu nhập thu được của Chính phủ Xing-ga-po hay của bất kỳ đối tượng nào được nhà chức trách có thẩm quyền tại Xing-ga-po chấp nhận theo nội dung tại khoản này. Từ "Chính phủ Xing-ga-po" sẽ có cùng nghĩa với định nghĩa nêu tại khoản 4 (b) Điều 11.

ĐIỀU 24

LOẠI BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Các luật có hiệu lực tại từng Nước ký kết sẽ tiếp tục điều chỉnh thuế đối với thu nhập tại từng Nước ký kết trừ khi trong Hiệp định này có quy định cụ thể trái với những quy định tại các luật đó. Trường hợp thu nhập bị đánh thuế tại cả hai Nước ký kết, việc loại bỏ đánh thuế hai lần sẽ được thực hiện theo những khoản sau đây tại Điều này.

2/a. Khi một đối tượng cư trú của Việt nam có thu nhập mà theo những quy định tại Hiệp định này có thể phải chịu thuế tại Xing-ga-po, Việt nam sẽ cho phép đối tượng đó được khấu trừ vào thuế Việt nam tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền tương đương với số tiền thuế nộp tại Xing-ga-po. Trường hợp thu nhập đó là tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Xing-ga-po trả cho một đối tượng cư trú của Việt nam mà đối tượng đó là một công ty trực tiếp hay gián tiếp sở hữu không thấp hơn 10 phần trăm vốn cổ phần của công ty thứ nhất, thì số thuế được khấu trừ sẽ tính đến số thuế Xing-ga-po của công ty đó đã nộp trên phần lợi tức dùng để chia tiền lãi cổ phần. Tuy nhiên, số tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá phần thuế Việt nam được tính trước khi cho phép khấu trừ, phân bổ trên phần thu nhập đó.

b. Theo điểm (a) trên đây, từ "thuế nộp tại Xing-ga-po" sẽ được coi là bao gồm số tiền thuế tại Xing-ga-po mà theo các luật tại Xing-ga-po và căn cứ vào Hiệp định này lẽ ra phải nộp tại Xing-ga-po nếu số thuế Xing-ga-po không được miễn hay giảm theo:

(i) những quy định tại Điều 13 (2), 13A, 13B, 13F, 43A và 43C đến 43K Đạo luật thuế thu nhập, 1947 (được sửa đổi) và những quy định tại Đạo luật về những khuyến khích mở rộng kinh tế (miễn thuế thu nhập), 1967 (được sửa đổi) cùng với những quy định liên quan, có hiệu lực tại ngày ký Hiệp định này hay được sửa đổi trong các phạm vi nhỏ sau ngày ký Hiệp định này; hoặc

(ii) bất kỳ biện pháp khuyến khích đặc biệt nào khác được xây dựng nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tại Xing-ga-po được ban hành sau này nhằm sửa đổi hay bổ sung vào các luật hiện hành được thỏa thuận giữa hai nhà chức trách có thẩm quyền.

3/ a. Trường hợp một đối tượng cư trú tại Xing-ga-po có thu nhập từ Việt nam hay nhận được khoản thu nhập đó tại Xing-ga-po mà theo những quy định tại Hiệp định này có thể phải

chịu thuế tại Việt nam, Xing-ga-po, căn cứ vào luật tại Xing-ga-po về việc cho phép khấu trừ vào thuế Xing-ga-po số thuế đã nộp tại bất kỳ nước nào ngoài Xing-ga-po, sẽ cho phép khấu trừ số thuế nộp tại Việt nam, cho dù nộp trực tiếp hay bằng cách khấu trừ, vào số thuế phải nộp tại Xing-ga-po tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó. Khi khoản thu nhập trên là tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt nam trả cho một đối tượng cư trú của Xing-ga-po và đối tượng đó là công ty trực tiếp hay gián tiếp sở hữu không thấp hơn 10 phần trăm vốn cổ phần của công ty thứ nhất, số thuế được khấu trừ sẽ tính đến phần thuế Việt nam đã nộp của công ty trên phần lợi tức dùng để trả tiền lãi cổ phần.

b. Theo điểm (a) trên đây, thuật ngữ "thuế đã nộp tại Việt nam" sẽ được coi là bao gồm số tiền thuế Việt nam mà theo các luật của Việt nam và căn cứ vào Hiệp định này, lẽ ra phải nộp tại Việt nam nếu số thuế Việt nam không được miễn hoặc giảm theo:

(i) những quy định tại Điều 26, 27, 28, 32 hay 33 của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam (1987) và các quy định liên quan, có hiệu lực tại ngày ký Hiệp định này hay được sửa đổi trong các phạm vi nhỏ sau ngày ký Hiệp định này; hay

(ii) bất kỳ biện pháp khuyến khích đặc biệt nào khác được xây dựng nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tại Việt nam được ban hành sau này nhằm sửa đổi hay bổ sung vào các luật hiện hành, được thỏa thuận giữa hai nhà chức trách có thẩm quyền.

4/ Về việc khấu trừ thuế nêu tại khoản 2 (a) và 3 (a) Điều này, thuế đánh trên các loại thu nhập sau sẽ được coi là 10 phần trăm tổng số thu nhập khi số thuế đã nộp thấp hơn 10 phần trăm tổng số thu nhập đó:

(a) trong trường hợp thu nhập phát sinh từ Việt nam, là thu nhập theo Điều 10, 11, 12 và lợi tức phải chịu thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(b) trong trường hợp thu nhập phát sinh từ Xing-ga-po, là thu nhập theo các Điều 11 và 12.

ĐIỀU 25

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1/ Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức đánh thuế và các yêu cầu liên quan hiện dang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2/ Thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự, với điều kiện nội dung khoản này sẽ không:

a. ngăn cản Việt nam thu trên lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt nam của một công ty là đối tượng cư trú của Xing-ga-po một khoản thuế bổ sung không quá 10 phần trăm tính trên phần lợi tức đó khi khoản lợi tức đó được chuyển từ cơ sở thường trú đó về trụ sở chính;

b. áp dụng đối với hình thức thu thuế đối với các cơ sở thường trú tại Việt nam của các xí nghiệp Xing-ga-po liên quan đến các hoạt động thăm dò và sản xuất dầu lửa hay liên quan đến các hoạt động mà trong trường hợp của các xí nghiệp Việt nam phải chịu thuế theo Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp.

3/ Không có nội dung nào tại Điều này được giải thích là buộc một Nước ký kết cho phép:

a. đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế mà Nước đó dành riêng cho chính đối tượng cư trú của Nước mình, hay

b. đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia được hưởng những suất miễn thu cá nhân, khoản giảm và miễn thuế mà Nước đó giành riêng cho đối tượng mang quốc tịch của Nước mình, những đối tượng không phải là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó, hay dành riêng cho các đối tượng khác được quy định riêng trong các luật thuế của Nước ký kết đó.

4/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan được áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5/ Khi một Nước ký kết cho những đối tượng mang quốc tịch của Nước mình hưởng những ưu đãi được xây dựng nhằm khuyến khích phát triển kinh tế theo các tiêu chuẩn và chính sách quốc gia tại Nước đó, thì việc thực hiện quy định đó sẽ không được giải thích là việc phân biệt đối xử theo Điều này.

6/ Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng cho các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định này.

ĐIỀU 26

CÁC THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng nội dung Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không phù hợp với những quy định tại Hiệp định này.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng sự thỏa thuận song phương, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cùng nhau cố gắng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây.

ĐIỀU 27

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và thông tin đó chỉ được tiết lộ cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán , thu thập, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 28

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Những nội dung trong Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế được thỏa thuận dành cho các viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29

HIỆU LỰC

Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật của Nước mình để đưa Hiệp định này vào hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm thông báo sau cùng và sẽ được áp dụng:

a. tại Việt nam :

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại gốc, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1993;

(ii) đối với các loại thuế Việt nam khác thu trên thu nhập, lợi tức, hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1993;

b. tại Xing-ga-po:

đối với thuế đánh vào thu nhập trong bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1994.

ĐIỀU 30

KẾT THÚC HIỆP ĐỊNH

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a. tại Việt nam:

(i) đối với các loại thuế khấu trừ tại gốc, thu trên các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả kể từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch ngay sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

(ii) đối với các loại thuế Việt nam khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm dương lịch ngay sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

b. tại Xing-ga-po:

đối với thuế đánh trên thu nhập trong bất kỳ năm tính thuế nào bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch thứ 2 sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định.

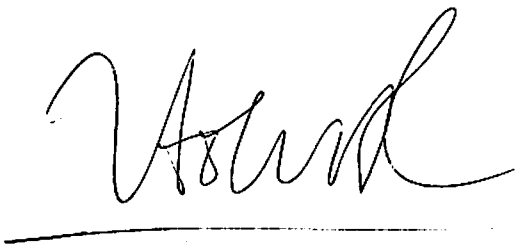
Để làm bằng những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà nội ngày 2 tháng 3 năm 1994, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

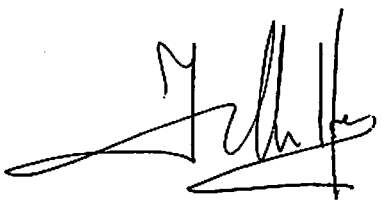


HỒ TẾ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

THAY MẶT CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HÒA XIN-GA-PO



COMMODORE (NS) TEO CHEE HEAN

BỘ TRƯỞNG QUỐC VỤ KHANH

VỀ

TÀI CHÍNH VÀ GIAO THÔNG

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF SINGAPORE

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Republic of Singapore,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Personal Scope

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ARTICLE 2

Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting State or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

(a) in Vietnam:
(i) the personal income tax;
(ii)the profit tax;
(iii)the profit remittance tax;
(iv)the foreign petroleum sub-contractor tax; and
(v) the foreign contractor tax;
(hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

(b) in Singapore:
the income tax;
(hereinafter referred to as "Singapore tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of significant changes which have been made in their respective taxation laws.

ARTICLE 3

General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam;

(b) the term "Singapore" means the Republic of Singapore;

(c) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Singapore as the context requires;

(d) the term "person" includes an individual, a company, a body of persons or any other entity which is treated as a person for tax purposes;

(e) the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;

(f) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

(g) the term "national" means:

(i) any individual possessing the nationality of a Contracting State;

(ii) any legal person, partnership and association deriving its status as such from the laws in force in a Contracting State;

(h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

(i) the term "competent authority" means:

(i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance

or his authorised representative;and

(ii) in the case of Singapore, the Minister for Finance or his authorised representative;

(j) the term "tax" means Vietnamese tax or Singapore tax as the context requires; and

(k) the term "fixed base" means a permanent place for the purpose of performing professional services or other activities of an independent nature.

2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

ARTICLE 4

Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of management or any other criterion of a similar nature.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him;

(b) if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

(c) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has no permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;

(d) if the status of resident cannot be determined according to sub-paragraphs (a) to (c), the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1, a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of effective management is situated. If its place of effective management cannot be determined, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

ARTICLE 5

Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of the enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;

(b) a branch;

(c) an office;

(d) a factory;

(e) a workshop;

(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources.

3. A building site or construction or installation project constitutes a permanent establishment only if it lasts more than 6 months.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage, display or delivery of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage, display or delivery;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information, for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely

for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

(f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs (a) to (e), provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting on behalf of an enterprise and has, and habitually exercises, in a Contracting State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in that State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph.

6. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ARTICLE 6

Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. Ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ARTICLE 7

Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions all expenses, including executive and general administrative expenses, which would be deductible if the permanent establishment were an independent enterprise, insofar as they are reasonably allocable to the permanent establishment, whether incurred in the Contracting State in which the permanent establishment is situated or elsewhere.

4. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.

5. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8

Shipping and Air Transport

1. Profits derived by an enterprise of a Contracting State from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

3. For the purposes of this Article, profits from the operation of ships or aircraft in international traffic include:

(a) income from the lease of ships or aircraft; and

(b) profits from the use, maintenance or rental of containers (including trailers and related equipment for the transport of containers);

where such lease or such use, maintenance or rental, as the case may be, is incidental to the operation of ships or aircraft in international traffic.

ARTICLE 9

Associated Enterprises

Where

(a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of the other Contracting State, or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

ARTICLE 10

Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed:

(a) 5 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner has contributed, directly or indirectly, more than 50 per cent of the capital of the company paying the dividends or more than US$10 million;

(b) 7 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner has contributed, directly or indirectly, between 25 per cent and 50 per cent of the capital of the company paying the dividends;

(c) 12½ per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, dividends paid by a company which is a resident of Vietnam to the Government of Singapore shall be exempt from Vietnamese tax.

4. For the purposes of paragraph 3, the term "Government of Singapore" shall have the same meaning as in paragraph 4(b) of Article 11.

5. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, mining shares, founders' shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

6. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

7. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in that other State.

8. Notwithstanding the provisions of paragraph 2 of this Article, as long as Singapore does not impose a tax on dividends in addition to the tax chargeable on the profits or income of a company, dividends paid by a company which is a resident of Singapore to a resident of Vietnam shall be exempt from any tax in Singapore which may be chargeable on dividends in addition to the tax chargeable on the profits or income of the company.

ARTICLE 11

Interest

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, interest arising in a Contracting State and paid to the Government of the other Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned Contracting State.

4. For the purpose of paragraph 3, the term Government:

(a) in the case of Vietnam, means the Government of the Socialist Republic of Vietnam and shall include:

(i) the State Bank of Vietnam;

(ii) the local authorities; and

(iii) a statutory body, or any institution the capital of which is wholly or mainly owned by the Government of the Socialist Republic of Vietnam, as may be agreed from time to time between the competent authorities of the Contracting States;

(b) in the case of Singapore means the Government of Singapore, and shall include:

(i) the Monetary Authority of Singapore and the Board of Commissioners of Currency;

(ii) the Government of Singapore Investment Corporation Pte Ltd;

(iii) a statutory body; and

(iv) any institution wholly or mainly owned by the Government of Singapore as may be agreed from time to time between the competent authorities of the Contracting States.

5. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and, in particular, income from Government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

6. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

7. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political sub-division, a local authority, a statutory body or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

8. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 12

Royalties

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise, and according to the laws of that Contracting State, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed:

(a) 5 per cent of the gross amount of the royalties in respect of payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any patent, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience;

(b) 15 per cent of the gross amount of royalties in all other cases.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a political subdivision, a local authority, a statutory body or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 13

Capital Gains

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains derived by an enterprise of a Contracting State from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic, or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in that State.

4. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2 and 3 shall be taxable only in the State of which the alienator is a resident.

ARTICLE 14

Independent Personal Services

1. Income derived by an individual who is a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State unless he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities. If he has such a fixed base, the income may be taxed in the other Contracting State but only so much of it as is attributable to that fixed base.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15

Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18 and 19, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

(a) the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in the calendar year concerned, and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

ARTICLE 16

Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

ARTICLE 17

Artistes and Athletes

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as an athlete, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or an athlete in his capacity as such accrues not to the entertainer or athlete himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or athlete are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article, income derived in respect of the activities referred to in paragraph 1 of this Article within the framework of any cultural or sports exchange programme agreed to by both Contracting States shall be exempt from tax in the Contracting State in which these activities are exercised.

ARTICLE 18

Pensions

Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State.

ARTICLE 19

Government Service

1. (a) Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a political subdivision, a local authority or statutory body thereof to an individual in respect of services rendered to that State or political subdivision, local authority or statutory body thereof shall be taxable only in that State.

(b) However, such remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:

(i) is a national of that State; or

(ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a political subdivision, a local authority or a statutory body thereof to an individual in respect of services rendered to that State or political subdivision, local authority or statutory body thereof shall be taxable only in that State.

(b) However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that State.

3. The provisions of Articles 15, 16 and 18 shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a political subdivision, a local authority or a statutory body thereof.

ARTICLE 20

Students

1. Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

2. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, remuneration for services rendered by a student or a business apprentice in a Contracting State shall not be taxed in that State, provided that such services are in connection with his studies or training and the amount of remuneration does not exceed US$2,500 per year.

ARTICLE 21

Teachers and Researchers

1. An individual who visits a Contracting State for the purpose of teaching or carrying out research at a university, college or other recognised educational institution in that State and who is or was immediately before that visit a resident of the other Contracting State, shall be exempt from tax in the first-mentioned State on remuneration for such teaching or research for a period not exceeding two years from the date of his first visit for that purpose.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply to income from research if such research is undertaken not in the public interest but primarily for the private benefit of a specific person or persons.

ARTICLE 22

Other Income

Items of income which are not expressly mentioned in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable according to the taxation laws of the respective Contracting States.

ARTICLE 23

Limitation of Relief

1. Where this Agreement provides (with or without other conditions) that income from sources in Vietnam shall be exempt from tax, or taxed at a reduced rate, in Vietnam and under the laws in force in Singapore the said income is subject to tax by reference to the amount thereof which is remitted to or received in Singapore and not by reference to the full amount thereof, then the exemption or reduction of tax to be allowed under this Agreement in Vietnam shall apply only to so much of the income as is remitted to or received in Singapore.

2. However, this limitation does not apply to income derived by the Government of Singapore or any person approved by the competent authority of Singapore for the purpose of this paragraph. The term "Government of Singapore" shall have the same meaning as in paragraph 4(a) of Article 11.

ARTICLE 24

Elimination of Double Taxation

1. The laws in force in either Contracting State shall continue to govern the taxation of income in respective Contracting States except where an express provision to the contrary is made in this Agreement. Where income is subject to tax in both Contracting States, relief from double taxation shall be given in accordance with the following paragraphs of this Article.

2. (a) Where a resident of Vietnam derives income, which in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in Singapore, Vietnam shall allow as a deduction from the Vietnamese tax on the income of that resident an amount equal to the tax paid in Singapore. Where such income is a dividend paid by a company which is a resident of Singapore to a resident of Vietnam which is a company owning directly or indirectly not less than 10 per cent of the share capital of the first-mentioned company, the deduction shall take into account the Singapore tax paid by that company on the portion of its profits out of which the dividend is paid. The deduction shall not, however, exceed that part of the Vietnamese tax, as computed before the deduction is given, which is attributed to that income.

(b) For the purposes of sub-paragraph (a) above, the term "tax paid in Singapore" shall be deemed to include the amount of Singapore tax which, under the laws of Singapore and in accordance with this Agreement, would have been paid had the Singapore tax not been exempted or reduced in accordance with:

(i) the provisions of the sections 13(2), 13A, 13B, 13F, 43A and 43C to 43K of the Income Tax Act, 1947(As Amended) and the provisions of the Economic Expansion Incentives (Relief from Income Tax) Act, 1967(As Amended), together with the respective connected regulations, as are effective on the date of signature of this Agreement or have been modified only in minor aspects after the date of signature of this Agreement; or

(ii) any other special incentive measures designed to promote economic development in

Singapore which may be introduced hereafter in modification of, or in addition to, the existing laws, as may be agreed between the two competent authorities.

3. (a) Where a resident of Singapore derives income from Vietnam or receives such income in Singapore which, in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in Vietnam, Singapore shall, subject to its laws regarding the allowance as a credit against Singapore tax of tax paid in any country other than Singapore, allow the Vietnamese tax paid, whether directly or by deduction, as a credit against the Singapore tax payable on the income of that resident. Where such income is a dividend paid by a company which is a resident of Vietnam to a resident of Singapore which is a company owning directly or indirectly not less than 10 per cent of the share capital of the first-mentioned company, the deduction shall take into account the Vietnamese tax paid by that company on the portion of its profits out of which the dividend is paid.

(b) For the purposes of sub-paragraph (a) above, the term "tax paid in Vietnam" shall be deemed to include the amount of Vietnamese tax which, under the laws of Vietnam and in accordance with this Agreement, would have been paid had the Vietnamese tax not been exempted or reduced in accordance with:

(i) the provisions of the Articles 26, 27, 28, 32 or 33 of the Law on Foreign Investment in Vietnam (1987) and connected regulations, as are effective on the date of signature of this Agreement or have been modified only in minor aspects after the date of signature of this Agreement; or

(ii) any other special incentive measures designed to promote economic development in Vietnam which may be introduced hereafter in modification of, or in addition to, the existing laws, as may be agreed between the two competent authorities.

4. For the purposes of the credit referred to in paragraphs 2(a) and 3(a) of this Article, the tax imposed on the following items of income shall be deemed to be 10 per cent of the gross amount of the income where the tax paid is less than 10 per cent of the gross amount of such income:

(a) in the case of income derived from Vietnam, income under Articles 10, 11, 12 and profits subject to Profits Remittance Tax;

(b) in the case of income derived from Singapore, income under Articles 11 and 12.

ARTICLE 25

Non-Discrimination

1. The nationals of a Contracting State shall not be subject in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activities, provided that this paragraph shall not:

(a) prevent Vietnam from imposing on the profits attributable to a permanent establishment in Vietnam of a company which is a resident of Singapore further tax not exceeding 10 per cent on such profits as far as they are remitted from the permanent establishment to the head office;

(b) apply to the taxation of permanent establishments in Vietnam of Singaporean enterprises in respect of oil exploration or production activities or in respect of activities which in the case of Vietnamese enterprises are subject to tax under the Law on Agricultural Land - Use Tax.

3. Nothing in this Article shall be construed as obliging a Contracting State to grant to:

(a) residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which it grants to its own residents, or

(b) nationals of the other Contracting State those personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which it grants to its own nationals who are not resident in that Contracting State or to such other persons as may be specified in the taxation laws of that Contracting State.

4. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting

State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

5. Where a Contracting State grants tax incentives to its nationals designed to promote economic development in accordance with its national policy and criteria, it shall not be construed as discrimination under this Article.

6. The provisions of this Article shall apply only to taxes which are the subject of this Agreement.

ARTICLE 26

Mutual Agreement Procedure

1. Where a person who is a resident of a Contracting State considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which the person is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the Agreement.

3. The competent authorities of the Contracting States shall jointly endeavour to resolve any difficulties or doubts arising as to the application of the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

ARTICLE 27

Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting States concerning taxes covered by the Agreement insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

(a) to carry out administrative measures at variance with the law and administrative practice of that or of the other Contracting State;

(b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

(c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

ARTICLE 28

Diplomatic Agents and Consular Officers

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of diplomatic agents or consular officers under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ARTICLE 29

Entry into Force

Each of the Contracting States shall notify the other Contracting State of the completion of the procedures required by the law of the respective Contracting State for bringing into force this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications and shall thereupon have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January 1993;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after 1 January 1993;

(b) in Singapore:

in respect of tax on income for any year of assessment beginning on or after 1 January 1994.

ARTICLE 30

Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by a Contracting State. Either Contracting State may terminate the Agreement at any time after five years from the date on which the Agreement enters into force by giving to the other Contracting State notice of termination, through the diplomatic channel, at least six months before the end of any calendar year. In such event the Agreement shall cease to have effect:

(a) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid on or after 1 January in the calendar year immediately following the year in which the notice of termination is given;

(ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after 1 January in the calendar year immediately following the year in which the notice of termination is given;

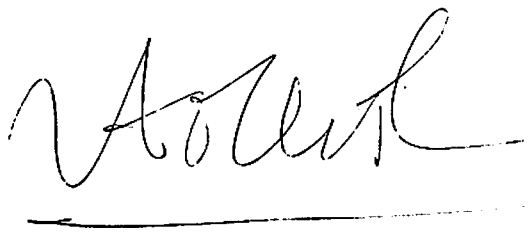
(b) in Singapore:

in respect of tax on income for any year of assessment beginning on or after 1 January in the second calendar year following the year in which the notice of termination is given.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

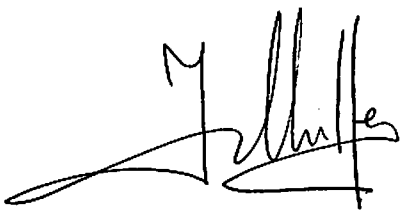
DONE in duplicate at Hanoi this 2nd day of March of the year one thousand nine hundred and ninety-four in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authoritative.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM



H.E. HO TE
MINISTER OF FINANCE

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF SINGAPORE



COMMODORE (NS) TEO CHEE HEAN
MINISTER OF STATE
FOR FINANCE AND COMMUNICATIONS

PROTOCOL

At the time of signing the Agreement between the Government of the Republic of Singapore and the Government of the Socialist Republic of Vietnam for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income, both Governments have agreed that the following provisions shall form an integral part of the Agreement.

1. The exemption provided under paragraph 3 of Article 10 shall not apply to dividends derived by the Government of Singapore from the carrying on of commercial activities.

2. To the extent that profits or income may be taxed in Vietnam in accordance with the provisions of this Agreement and such profits or income is subject to a remittance tax under the taxation laws of Vietnam, the rate of the remittance tax shall not exceed:

(a) the rates provided under paragraph 2 of Article 10 in the case of dividends;

(b) 10 per cent in the case of profits remitted by a permanent establishment to its head office.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2, the Government of Singapore shall be exempt from profits remittance tax in Vietnam. The term "Government of Singapore" shall have the same meaning as in paragraph 4(b) of Article 11.

4. With respect to the taxation of interest as provided under paragraph 2 of Article 11, if Vietnam, in any agreement for the avoidance of double taxation with any other State, provides for a rate of less than 10 per cent on the gross amount of interest, the same lower rate shall apply for the purposes of paragraph 2 of Article 11.

5. For so long as Vietnam continues to grant to investors licences under the Law on Foreign Investment in Vietnam, which specify the taxation to which the investor shall be subject, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraph 2 of Article 25.

6. In relation to sub-paragraph (b) of paragraph 2 of the Article 25, the activities which in the case of Vietnamese enterprises are subject to tax under the Law on Agriculture Land-Use Tax shall be deemed, for the period commencing 1st January

1993 to 31st December 1993, to include the activities which in the case of Vietnamese enterprises are subject to tax under the Ordinance on Agriculture Tax as is effective up to 31st December 1993.

IN WITNESS WHEREOF the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Protocol.

DONE in duplicate at Hanoi this 2nd day of March of the year one thousand nine hundred and ninety-four in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authoritative.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

H.E. HO TE
MINISTER OF FINANCE

FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF SINGAPORE

COMMODORE (NS) TEO CHEE HEAN
MINISTER OF STATE
FOR FINANCE AND COMMUNICATIONS